

Từ điển



Công nghệ
cơ khí
và luyện kim
ANH - VIỆT

ENGLISH - VIETNAMESE
DICTIONARY OF
MECHANICAL AND METALLURGICAL
TECHNOLOGY

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT



BAN TỪ ĐIỂN
NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT



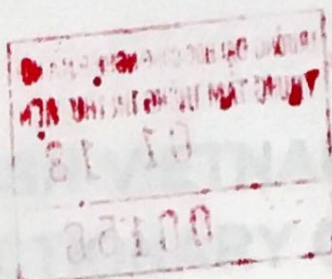
TỪ ĐIỂN
CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ
VÀ LUYỆN KIM
ANH - VIỆT

(Khoảng 50.000 thuật ngữ)

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
HÀ NỘI

Tham gia biên soạn

Trần Ngọc Cẩm
Đào Minh Hiền
Nguyễn Ngọc Hòa
Nguyễn Văn Hóa
Trần Anh Kỳ
Lê Văn Nhân
Đỗ Hoàng Nhưng
Đặng Văn Sử
Nguyễn Văn Thành
Nguyễn Thịnh
Phạm Đức Tiến
Vũ Văn Tỉnh



Hiệu đính

Trần Mạnh Chất
Nguyễn Văn Điều
Đỗ Mạnh Hùng

Biên tập

Đỗ Văn Hùng
Vũ Ngọc Kỳ
Nguyễn Thế Tân
Đặng Văn Sử

LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn "Từ điển Công nghệ Cơ khí và Luyện kim Anh - Việt" được xuất bản nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của bạn đọc hiện nay muốn tra cứu tài liệu về cơ khí và luyện kim, những lĩnh vực đã và đang xuất hiện nhiều thuật ngữ mới. Ban Từ điển của Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật tổ chức biên soạn từ điển này dựa trên những tài liệu tiếng Anh gần đây nhất và các từ điển đa ngành và chuyên ngành của Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

Cuốn từ điển có khoảng 50.000 thuật ngữ về công nghệ cơ khí và luyện kim, và một số ngành liên quan. Ở đây chúng tôi biên soạn thuật ngữ theo tiêu chí: ngắn gọn, rõ nghĩa và cố gắng Việt hóa tới mức tối đa. Chúng tôi vẫn giữ nguyên tên gọi những thuật ngữ phiên chuyển tiếng nước ngoài đã thông dụng (như pittông, êtô, bê tông...), còn lại những thuật ngữ khác được phiên chuyển theo nguyên tắc vừa gần dạng chữ tiếng Anh vừa đọc được trong tiếng Việt. Điểm đặc biệt là với những thuật ngữ dùng khác nhau trong tiếng Anh ở Anh và tiếng Anh ở Mỹ chúng tôi đều đưa vào cả để bạn đọc tiện so sánh. Trong tình trạng hệ thống thuật ngữ khoa học và kỹ thuật ở ta hiện nay còn chưa thống nhất, với mỗi thuật ngữ tiếng Anh chúng tôi đưa vào thuật ngữ theo chúng tôi là được dùng phổ biến hơn và bên cạnh là những thuật ngữ đồng nghĩa.

Từ điển có thể dành cho các cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu, sinh viên đại học các ngành cơ khí và luyện kim nói riêng và các ngành kỹ thuật nói chung, các kỹ sư và cán bộ kỹ thuật ở các cơ sở sản xuất và đông đảo bạn đọc quan tâm tới kỹ thuật và công nghệ.

Trong một khoảng thời gian rất ngắn chúng tôi đã cố gắng biên soạn để đáp ứng kịp thời nhu cầu của bạn đọc và do tình trạng chưa thống nhất thuật ngữ như đã nói ở trên, cuốn từ điển này không tránh khỏi có những thiếu sót. Chúng tôi rất mong bạn đọc gần xa đóng góp ý kiến để chúng tôi có thể bổ sung cho lần xuất bản tiếp theo. Mọi thư từ góp ý xin gửi về: Ban Từ điển, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, 70 Trần Hưng Đạo, Hà Nội.

Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật

CÁCH SỬ DỤNG

1. Các thuật ngữ Anh được in đậm đứng, theo trình tự bảng chữ cái tiếng Anh.

- Đơn vị sắp xếp là khối chữ cái viết liền, cách nhau bằng một dấu cách.

- Các ký tự dấu nối (-), dấu chéo (/), dấu phẩy (,), dấu chấm (.), dấu hai chấm (:), dấu sở hữu cách ('), dấu nháy đơn và dấu nháy kép (''), dấu móc đơn (), không được tính đến trong sắp xếp.

- Dấu & coi như dấu cách.

- Các chữ, số Hy Lạp, La Mã, các chữ số, số mũ, phân số, chỉ được tính đến trong sắp xếp khi đã xét hết các chữ cái trong khối viết liền.

- Những chữ viết tắt tiếng Anh được sắp xếp theo trình tự bảng chữ cái và bên cạnh là phần chữ đầy đủ in đứng không đậm và không được tính đến trong sắp xếp.

- Những thuật ngữ Anh có chữ viết tắt thì chữ viết tắt sẽ được in đứng không đậm trong ngoặc đơn ngay cạnh và không được tính đến trong sắp xếp.

2. Các thuật ngữ đối chiếu tiếng Việt in chữ đứng, không đậm, cách thuật ngữ Anh hai dấu cách.

- Thuật ngữ đồng nghĩa cách nhau bằng dấu phẩy.

- Các thuật ngữ khác nghĩa cách nhau bằng dấu chấm phẩy. Thuật ngữ có phạm trù ngữ pháp khác nhau cách nhau bằng dấu chéo song song (/).

- Các từ in đứng trong ngoặc đơn ở đầu thuật ngữ để chỉ từ loại hoặc có thể dùng hoặc bỏ. Các từ in đứng trong ngoặc đơn ở giữa hoặc cuối thuật ngữ có thể dùng hoặc bỏ. Những từ in nghiêng trong ngoặc đơn ở cuối thuật ngữ để làm rõ nghĩa thêm cho thuật ngữ. Các chữ in nghiêng trong ngoặc đơn sau ký hiệu ngành để chỉ lĩnh vực cụ thể hoặc phân ngành.

A

Å (angstrom) angstrom, Å (đơn vị đo độ dài bằng 10^{-10} mét)

μÅ (microangstrom) microangstrom (10^{-6} angstrom)

a axis góc a (góc quay của máy công cụ quanh trục x)

A frame khung chữ A; cột tháp kép (dùng để nâng thiết bị); khung treo mạn tàu (ở tàu nghiên cứu)

abandon bỏ, dùng bỏ

abate gò (tạo hình nổi ở mặt kim loại); đẽo (đá), khắc (đá)

abatement lượng giảm (chất, đại lượng); vụn thải (trong cắt gỗ, đẽo đá, gò kim loại...)

abaxial xa trục

abbreviated designation ký hiệu ngắn

abbreviation (sự) rút ngắn

ability khả năng

ability test thử khả năng, thử năng lực

Abney level nivô Abney, máy đo độ nghiêng

abnormal reading giờ chỉ bất thường, giờ sai

abnormal steel thép đặc biệt

abnormal structure cấu trúc dị thường

abnormal time thời gian sai, thời gian bất thường, số đọc sai (trong nghiên cứu thời gian làm việc)

abort (sự) hủy, (sự) bỏ // hủy, bỏ, hủy bỏ; kết thúc bất thường

abort branch rẽ nhánh bỏ (điều khiển robot)

abort-sledge búa tạ (trong nghề rèn)

abrade mài, mài mòn, đánh bóng

abraded particle hạt bị mài mòn

abrading (sự) mài mòn

abrading capacity công suất mài

abrading medium môi trường mài

abrase mài, mài mòn, đánh bóng

abrasion (sự) mài mòn, (sự) ăn mòn, (sự) bào mòn, (sự) cọ mòn; (sự) mài, (sự) xát; tính nhám bề mặt (do gia công thô hoặc cơ xát); vết trầy da

abrasion factor hệ số mài mòn

abrasion resistance độ bền mài mòn, sức chống ăn mòn, độ chống mòn, sức chịu mài mòn, sức chống mòn

abrasion test thử mài mòn

abrasion tester máy thử ăn mòn, dụng cụ thử mài mòn

abrasion-fretting corrosion ăn mòn do cọ xước-mài mòn, ăn mòn do mài-cọ xước

abrasion-proof (thuộc) chống mài mòn, chịu mài mòn

abrasive vật liệu mài, bột mài // (có) tính mài mòn, (có) tính bào mòn

abrasive band grinding machine máy mài

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. MCGRAW-HILL DICTIONARY OF MECHANICAL AND DESIGN ENGINEERING
Sybil P. Parker, 1995
2. DICTIONARY OF ENGINEERING TERMS
Roger Timings, Peter Twigg, Butterworth Heinemann, 2000
3. MCGRAW-HILL CONCISE ENCYCLOPEDIA OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
Third Edition, New York, San Francisco...1994
4. MCGRAW-HILL DICTIONARY OF SCIENTIFIC AND TECHNICAL TERMS
Sixth Edition, New York, San Francisco... 1999
5. THE AMERICAN HERITAGE ILLUSTRATED ENCYCLOPEDIC DICTIONARY
Houghton Mifflin Company, Boston, 1987
6. DICTIONARY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY ENGLISH-FRENCH
A.F. Dorian, Elsevier Scientific Publishing Company,
Amsterdam-Oxford-New York, 1989.
7. ENCARTA MULTIMEDIA ENCYCLOPEDIA 2004
8. GROLIER MULTIMEDIA ENCYCLOPEDIA 2001
9. WORLD BOOK MULTIMEDIA ENCYCLOPEDIA 2002
10. BRITANNICA ENCYCLOPEDIA 2004
11. CÁC TỪ ĐIỂN CHUYÊN NGÀNH VÀ ĐA NGÀNH
Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 1961 - 2005
12. TỪ ĐIỂN TIẾNG VIỆT
Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988

BAN TỪ ĐIỂN
NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

TỪ ĐIỂN
CÔNG NGHỆ CƠ KHÍ VÀ LUYỆN KIM
ANH - VIỆT

Chịu trách nhiệm xuất bản
Biên tập

PGS, PTS Tô Đăng Hải
Đỗ Văn Hùng
Vũ Ngọc Kỳ
Nguyễn Thế Tân
Đặng Văn Sử

Sửa bài
Vẽ bìa

Hùng - Kỳ - Tân - Sử
Hương Lan

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
70 Trần Hưng Đạo, Hà Nội

In 1500 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Cty Cổ Phần In Tổng Hợp Liksin, số 187/4
Kinh Dương Vương, Q.6, TP.HCM.

Quyết định xuất bản số 75-2007/CXB/425-02/KHKT, cấp ngày 18/03/2007

In xong và nộp lưu chiểu tháng 6 năm 2007